Tập 4 — Với Đại Đức Nanda Và Sa-Di Rāhula

Một Cuộc Đời, Một Vầng Nhật Nguyệt (Minh Đức Triều Tâm Ảnh)

Và Sa-Di Rāhula

Thấy thời tiết đang còn mát mẻ mà công viêc tăng ni hai viện đã có chư vị trưởng lão chăm sóc vững vàng nên đức Phật lại ôm bát lên đường. Ngài cũng khuyên các bậc thánh vô lậu có thắng trí nên phân bố đi các nơi, nhất là tu viện lớn tại Kosambī, Vesāli, Rājagaha. Thế rồi, đức Phật đã cùng một nhóm hội chúng chừng năm trăm vị, trong đó có Ānanda, Nanda, Rāhula cùng thị giả Nāgita chậm rãi rời Sāvatthi. Dịp này, đức Phật cố ý chăm sóc, giáo giới thêm cho tỳ-khưu Nanda và sa-di Rāhula. Trên đường, đức Phật quan sát tỳ-khưu Nanda thấy ông hoàng này đã toát ra sự trang nghiêm, lặng lẽ và tự chủ trong những oai nghi, trong khi đi trì bình khất thực, khi dưới cội cây hoặc khi ngủ nghỉ; chứng tỏ đã an trú được trong hiện tại nên gặp khi phải thời, ngài nói: - An trú trong hiện tại thì được rồi! Nhưng hiện tại ấy là cái gì vậy, này Nanda? - Là trong từng hơi thở, bạch đức Thế Tôn! - Trong từng hơi thở thì được rồi! Nhưng chỉ thuần là hơi thở mà thôi sao?

Minh Đức Triều Tâm Ảnh 97

Thấy tỳ-khưu Nanda có vẻ suy nghĩ, đức Phật biết là cần phải giải thích rõ hơn nên ngài nói tiếp: - Hãy tư tác điều này như là kim chỉ nam của định và tuệ, này Nanda! Nếu thuần là hơi thở thì có khuynh hướng lắng dứt, tịnh chỉ. Nếu vừa hơi thở vừa mắt thấy sắc, vừa tai nghe âm thanh... thì có khuynh hướng quán chiếu, minh sát, này Nanda! - Tâu vâng! Bạch đức Thế Tôn! Đệ tử cũng biết vậy nhưng mà chưa minh giải rõ ràng được! Ví như không chỉ mắt thấy sắc, tai nghe âm thanh... mà còn cả những cảm thọ, những tưởng tri, những tâm hành và những nhận thức nữa. - Đúng vậy! Nhưng mà rồi, sau đó, ra sao nữa, này Nanda? - Thưa! Bao giờ biết rõ, thấy rõ được thực tánh, như tánh, không tánh của tất cả chúng, tất cả pháp. - Đúng vậy! Thật là chính xác! Nhưng thực tánh, như tánh, không tánh ấy là cái gì vậy, này Nanda? - Là bản chất như thực vô thường, bản chất như thực dukkha, bản chất như thực vô ngã của tất thảy pháp, bạch đức Tôn Sư! - Ồ! Ông đã lập ngôn rất đúng. Tuy nhiên, cái lập ngôn rất đúng ấy chỉ mới là cái vỏ cây, cái da cây chứ chưa phải là cái tinh lõi. Hãy rời bóng mới thấy hình. Hãy lìa ngón tay mới thấy mặt trăng, này Nanda! Tỳ-khưu Nanda rúng động cả châu thân. Sau đó mấy hôm, đức Phật thấy tỳ-khưu Nanda miên mật công phu hành trì, ngồi thiền suốt đêm, kinh hành suốt đêm với khuôn mặt tỏa sáng lạc hỷ. Đức Phật biết rõ ông ta đã đi thêm được một bước nữa trên lộ trình thánh quả. Sa-di Rāhula đã mười sáu tuổi rồi, đã tỏ ra sự chín chắn, chững chạc hiếm có. Suốt chín năm qua, đức Phật chỉ chính thức giáo giới mấy lần, nhưng ngài biết rõ là hai vị đại đệ tử Sāriputta và Mahā Moggallāna đã thay phiên nhau chăm sóc 98 Một Cuộc Đời Một Vầng Nhật Nguyệt

chú sa-di này rất chu đáo. Hôm dừng chân tại đại viên Nigrodhārāma tại Kapilavatthu - thấy Rāhula cứ chăm chú nhìn ngài mãi, đức Phật hỏi: - Gì vậy, Rāhula? - Đệ tử sực nhớ lời đức Thế Tôn khiển trách mấy năm về trước. - Ồ! Có phải là “sắc” không? Đức Phật mỉm cười, nói tiếp - Cái “sắc” của Như Lai không còn như thuở trước nữa có phải thế

không? Năm nay Như Lai đã bốn mươi sáu tuổi rồi! Sa-di Rāhula mỉm cười, tự tin: - Không! Cái "sắc" của đức Thế Tôn còn đẹp hơn cả lúc xưa nữa. Cái độ tuổi này của đức Thế Tôn, dường như cái gì cũng đang toàn mãn! Tuy nhiên, trong tâm tư đệ tử hiện giờ không đơn giản nghĩ về sắc ấy, nó là cả một trời liên tưởng khá lộn xộn! Là vậy mà không phải vậy, bạch đức Thế Tôn! Đức Phật cảm giác rất thú vị, vì qua đôi mắt, cách nói, ý tưởng, chứng tỏ Rāhula đã trưởng thành thật rồi! Trưởng thành về mọi phương diện nên ngài lựa tìm một bóng cây rồi ngồi xuống. Và rồi sa-di Rāhula đã đến quỳ gần một bên, cất giọng điềm đạm: - Năm ấy, sau khi tôn giả Sāriputta đi cùng với đức Thế Tôn từ xứ Kuru về, tôn giả đã nhiệt tình suốt ba buổi giảng về pháp quán niệm hơi thở cho đại chúng Tăng ni rất kỹ càng. Đệ tử có thính pháp, có nghe và cũng đã thực hành không dám xao lãng. Nhưng mấy hôm sau, đi khất thực sau lưng đức Thế Tôn, đệ tử chiêm ngưỡng Thế Tôn rồi ý nghĩ sau đây phát sanh: "Cha ta, đức Thế Tôn, có mỹ tướng cao sang, có phong độ oai nghiêm đáng quý trọng xiết bao! Coi kìa! Dáng dấp của ngài như thớt tượng chúa uy nghi, đĩnh đạc. Cha ta, đức Thế Tôn, từ thần mặt trời xuất sanh, dòng dõi sư tử, quý tộc, vương giả đã phủi chân cung vàng điện Minh Đức Triều Tâm Ảnh 99

ngọc mà ra đi! Ôi! Cha ta, đức Thế Tôn, có dung sắc mỹ diệu, đẹp đẽ, thế gian này không ai sánh được!" Nghĩ thế xong, nhìn ngắm lại mình, đệ tử chợt khởi sanh tự tôn, tự mãn, hãnh diện vô cùng: "Ta cũng đẹp đẽ, cũng quý tướng, cũng cao sang như đức Thế Tôn vậy". Như đọc được tư tưởng của đệ tử, đức Thế Tôn đã la rầy như sau: "Hãy chiêm nghiệm và quán sát "sắc" ấy, này Rāhula! Không những "sắc" của Như Lai mà tất thảy sắc, sắc trong, sắc ngoài, sắc thô, sắc tế, sắc gần, sắc xa, sắc hiện tại, sắc quá khứ, sắc vị lai; tất cả chúng đều bị định luật vô thường, biến đổi, lụi tàn, chúng không vĩnh viễn yên trụ như vậy đâu, dù một chớp mắt, một sát-na!" Thấy Rāhula yên lặng. Đức Phật hỏi tiếp: - Thế khi Như Lai dạy bảo như vậy xong, chuyện gì xảy ra? - Thưa! Đệ tử rất lúng túng. Tâm trạng của đệ tử lúc ấy rất phức tạp. Vừa hổ thẹn vừa phân vân. Hổ thẹn vì tư tưởng thầm kín đã bị đức Thế Tôn bắt gặp tại trận. Phân vân là vì đệ tử đang "quán niệm hơi thở" mà đức Thế Tôn thì lại dạy "minh quán sắc". Tuy nhiên, đệ tử nghĩ: "Ai có thể, hôm nay, được đức Đạo Sư trực tiếp chỉ dạy lại có thể nghĩ đến chuyện ăn, chuyện uống, chuyện khất thực trì bình để lo cho cái thân một cách phàm tục như thế?" Thế rồi, đệ tử tự động rút về Jetavana, lựa tìm một cội cây, ngồi kiết già và yên lặng quán minh sát xem thử "cái sắc" ấy nó ra sao! Được một lúc thì tôn giả Sāriputta đi qua, ngài dừng lại, nhìn ngắm đệ tử rồi nói: "Giỏi lắm, này Rāhula! Pháp quán niệm hơi thở có thể lắng dứt tất thảy lao xao, phiền não; nó còn đem đến hiện tại lạc trú rất dễ dàng! Hãy cố gắng đi nhé! Ta sẽ đi trì bình, rồi con cũng sẽ có một phần, một bát!" Nghe vậy, đệ tử không dám nói gì nhưng trong lòng, vốn đã phân vân, lại thêm một tầng phân vân nữa! - Ừ! Hãy kể tiếp, Như Lai đang nghe đây! 100 Một Cuộc Đời Một Vầng Nhật Nguyệt

- Cuối cùng, đệ tử cảm giác quán niệm hơi thở thích hợp hơn, dễ an trú hơn, dễ đi sâu hơn nên mấy năm nay đệ tử thường tới lui các định, có hỷ trú, có lạc trú. Còn quán sắc quá phức tạp, đệ tử chỉ thấy được sắc thô, không thấy được sắc tế nên minh sát ít tiến bộ, bạch đức Tôn Sư! - Rồi sau đó, ra sao nữa, này Rāhula? - Chư tôn túc trưởng lão, vị

nào cũng bận rộn bởi hằng trăm học chúng, hằng ngàn học chúng cả Tăng ni và hai hàng cận sự nên đệ tử không dám hỏi ai. Cứ thầm lặng tu tập, lắng nghe, học hỏi. Đệ tử cũng phải để mất khá nhiều thì giờ cho những việc nhăng nhít, lặt vặt, loanh quanh... - Không nhăng nhít, không lặt vặt, không loanh quanh đâu! Đức Phật mỉm cười - Việc quét tước dọn dẹp đại giảng đường, sân vườn, liêu thất, lối đi; sắp đặt vật dụng các phòng ốc, bệnh xá, phòng tiêu, phòng tắm, những lu nước, chỗ thức ăn tàn thực cho kẻ đói nghèo... đều là những công việc nặng nề đấy! Tuy nhiên, nhờ lao tác, nhờ công việc tay chân ấy mà trầm tĩnh, điềm đạm, nhẫn nại, vị tha, tâm từ, tâm bi, tâm hỷ, tâm xả... cũng từ đấy mà vững vàng, thêm sức mạnh, có phải như vậy không Rāhula? - Thưa vâng! Đúng là vậy! Nhưng tu viện nhờ có sẵn cả hằng trăm vị tỳ-khưu trẻ cùng chúng sa-di nữa, bạch đức Thế Tôn! - Ừ, Như Lai biết, và nhiều vị trưởng lão cũng hằng khen ngợi những người siêng năng chấp tác công việc phục vụ. Vậy khi làm việc thì nên niệm hơi thở hay nên quán sắc, này Rāhula! - Tôn giả Sāriputta dạy là không cần niệm, không cần quán cái gì cả, việc nào làm ra việc nấy, phải biết chú tâm, phải biết quan sát từng lúc, từng khi, kể cả từng máy động duyên khởi rất nhỏ nhiệm, vi tế! - Ồ, hay lắm! Chính xác là vậy! Không cần niệm, quán gì cả. Cái xẻng là đề mục, cái chổi là đề mục, hốt rác là đề Minh Đức Triều Tâm Ảnh 101

mục, cánh tay đưa ra là đề mục, cái chân bước đi là đề mục, gánh nước là đề mục, bửa củi là đề mục... có phải vậy không, Rāhula? - Đúng là tôn giả Sāriputta đã dạy như vậy, cụ thể là như vậy để giáo giới cả hằng trăm ông sư không chịu nhích cái tay, nhích cái chân, lúc nào cũng viện cớ tôi ngồi thiền, tôi bận ngồi thiền... Tôn giả Ānanda, Nanda ngồi bên, đồng cất tiếng cười xòa. Đức Phật cũng mỉm cười nhưng ngài còn ân cần hỏi tiếp: - Vậy thì cái "sắc" từ đầu câu chuyện này là thế nào, hở Rāhula? - Sau đoạn đối thoại giữa đức Thế Tôn và tôn giả Nanda nói về hơi thở định, nói về hơi thở tuệ rồi sang chỗ... không những sắc mà những cảm thọ, những tưởng tri, những tâm hành, những thức tri cũng phải cần minh sát như thực tướng, đệ tử sực nhớ lại chuyện xưa, nhìn lại "sắc" của đức Thế Tôn, đệ tử muốn phát biểu một câu nhưng còn sợ sợ, còn ngại ngại... Tôn giả Ānanda khuyến khích: - Cứ nói đi, Rāhula! Cứ như thực tri mà nói! - Đúng như thế đó! Tương tợ như thế đó! Chính đệ tử muốn nói là sắc của đức Thế Tôn năm ba lăm, ba sáu tuổi là như thực tướng, thì sắc của đức Thế Tôn bốn sáu, bốn bảy tuổi cũng như thực tướng. Và sau này, thân thể đức Thế Tôn có già lão, thì sắc ấy, sắc già lão ấy cũng phải được nhìn ngắm như thực tướng. Vì chưa phải là những bậc lậu tận nên lời phát biểu này của Rāhula làm cho cả Ānanda, Nanda đều im lặng, không dám nhận xét. Đức Phật gật đầu: - Rāhula nói đúng đấy! Mọi sắc, mọi thọ, mọi tưởng, mọi hành, mọi thức... nếu được nhìn ngắm như thực khi 102 Một Cuộc Đời Một Vầng Nhật Nguyệt

chúng đang-là-duyên-khởi, khi chúng đang-là-vận-hành, khi chúng đang-là-tương-duyên, khi chúng đang-là-tương-quan, khi chúng đang-là-tương-hệ thì chúng đều là như thực tướng, như thực tánh hết. Pháp bất tử là ở đấy mà vô sanh, Niết-bàn cũng ở đấy! Cứ hãy như vậy mà y chỉ, thọ trì! Lời giáo giới tối hậu này không dễ gì các vị đang có mặt "như thực liễu tri" được!

Minh Đức Triều Tâm Ảnh 103

Sau mấy ngày ở lại Rừng Cây Đa, ngoài thì giờ đi trì bình khất thực tại kinh thành quê hương, đức Phật có cả thảy bốn thời pháp lớn cho đại chúng đi theo cũng như chư tăng ni hai viện ở Kapilavatthu. Đức Thế Tôn cũng có để dành thì giờ đi thăm lại kinh thành, nói pháp đến cho đức vua Mahānāma, quan lại, chiến sĩ, nội cung cũng như bá tánh. Dòng dõi Sakyā lúc này họ đã tu tập khá tốt, giữ giới khá tốt; những kiêu căng, ngã mạn vốn như bản chất kiêu hùng của dòng dõi chỉ còn tồn tại nơi một thiểu số người. Tôn giả Ānanda còn thay đức Phật thuyết thêm một số thời pháp thuận thứ cho hai hàng cư sĩ nữa. Riêng đại đức Nanda, sa-di Rāhula được tự do đi thăm viếng đó đây. Nhưng họ cảm thấy không còn thích hợp ở chỗ cảnh xưa người cũ nữa rồi. Hình ảnh quá khứ chỉ thoáng hiện qua rồi mất hút, trở nên lờ mờ và nhạt nhẽo. Người, vật, cảnh cũng như vậy, nhưng họ biết rõ, tâm trí họ giờ nhẹ nhàng, thanh, cao và sáng hơn thế nhiều. Như ở cảnh giới khác. Nhất là đại đức Nanda, ông cảm thấy rất rõ ràng là vừa trải qua một giấc mộng, có vẻ ngây thơ và bất thực. Thấy thời gian phải lẽ, đức Phật và đại chúng rời Sakyā đến Koliyā, thăm sinh hoạt của Tăng ni, thấy ở đâu cũng đã

đi vào nền nếp. Ở lại Devadaha ba hôm, tùy duyên giáo hóa đây đó, bước chân du hành của đại chúng lần lượt ghé các quốc độ Mallā, Vajjī, Licchavī rồi dừng tại Đại Lâm, nơi Trùng Các giảng đường. Tại Mallā, du sĩ Bhaggava hỏi đức Phật về tỳ-khưu Sunakkhaṭṭa, khi y tuyên bố từ bỏ giáo pháp của ngài. Đức Phật xác nhận chuyện ấy, sau đó ngài đã cặn kẽ giải thích, là do Sunakkhaṭṭa không tìm được an vui trong đời sống ly dục thoát khổ mà chỉ muốn kiếm tìm những năng lực siêu nhân. Vấn đề thần thông, sự khởi nguyên của thế giới, đức Phật tuy có thực tri, thực chứng nhưng ngài không xem vấn đề ấy là quan trọng. Đối với ngài thì một đời sống bình thường, dị giản, an lạc và giải thoát mới là trọng tâm của giáo pháp. Du sĩ Bhaggava gật đầu: - Phải rồi! Sunakkhaṭṭa có nói: Giáo pháp của sa-môn Gotama chỉ nói đến sự diệt tận khổ đau, phiền não chớ có gì đặc biệt, chắc gì đã hơn các vị A-la-hán khác ngày tại Vesāli này. Tức là y có vẻ ca ngợi, tán thán lõa thể Korakkhattiya tu hạnh chó đi bốn chân, bò lết trên đất, dùng miệng ăn vật cứng và mềm trên đất; chuyện ấy ra sao, hư thực ra sao, bạch đức Thế Tôn? - Quả đúng như vậy! Lõa thể Korakkhattiya sống theo tà-kiến, chấp chặt tà kiến, Như Lai thấy rõ, biết rõ cảnh giới đi và về của ông ta. Trong lúc Sunakkhaṭṭa ca ngợi đấy là một vị A-la-hán tốt đẹp thì Như Lai bảo, trong một tuần lễ nữa, ông ta sẽ trúng thực và chết rồi tái sanh thành loài Kāḷakañjakā, một loại a-tu-la thấp kém, hạ liệt nhất, bị quăng trong nghĩa địa, trên đống cỏ bẩn. Mặc dầu Sunakkhaṭṭa đến gần bên lõa thể, khuyên ăn uống tiết độ, rồi ngồi đếm từng ngày, nhưng sự kiện xảy ra đúng như Như Lai đã nói. Im lặng một lát, du sĩ Bhaggava gật đầu:

- Tâu vâng! Sự thực là như vậy. Thế còn tướng và tâm của lõa thể Kandaramasuka thì ra sao? Người được mọi người kính trọng do y tuyên bố có bảy giới hạnh: Một, trọn đời

lõa thể; hai, trọn đời không mặc y áo; ba, trọn đời không hành dâm; bốn, trọn đời không uống rượu; năm, trọn đời không ăn thịt; sáu, trọn đời không ăn cơm cháo; bảy, trọn đời không đi ra khỏi thành Vesāli, bạch đức Thế Tôn? - Đúng vậy! Này Bhaggava! Sunakkhaṭṭa cũng xem lõa thể này là một bậc A-la-hán quý trọng! Còn Như Lai thì thấy rõ, biết rõ, không lâu đâu, tà mạng ngoại đạo, lõa thể Kandaramasuka sẽ từ bỏ bảy giới hạnh nhuốm mùi tà kiến ấy, mặc áo, ăn cơm và lập gia đình. - Và đúng như lời của đức Thế Tôn, không phải là tiên tri mà đã nói đúng sự thực, như thực là vậy! Bây giờ y đã lập gia đình và có một đời sống còn tệ hơn một kẻ phàm tục. Cũng tại Vesāli này, lõa thể Pāṭikaputta thì có vẻ ngông cuồng hơn. Y tuyên bố ngổ ngáo rằng: “Sa-môn Gotama là người có trí, có thể hiển lộng thần oai pháp thượng nhân thì ta cũng vậy. Nếu sa-môn Gotama chịu đi nửa đường đến đây thì ta cũng chịu khó đi nửa đường còn lại để đấu pháp, xem ai hơn ai kém. Tuy nhiên, nếu sa-môn Gotama biểu hiện một pháp thượng nhân thì ta sẽ ra oai hai pháp thượng nhân; nếu sa-môn Gotama thực hiện bốn pháp thượng nhân thì ta sẽ hiển lộ tám pháp thượng nhân! Khả năng và trình độ của sa-môn Gotama bao giờ cũng chỉ được một nửa so với ta vậy!” - Ừ! Mọi người ai cũng nghe lõa thể Pāṭikaputta tuyên bố như thế! - Riêng Sunakkhaṭṭa thì hết lòng, nhiệt tình ca ngợi lõa thể này một cách quá đáng, bạch đức Thế Tôn! Y nói rằng, bậc A-la-hán này có pháp thượng nhân, còn sa-môn Gotama thì có pháp thượng nhân đâu mà nói rằng đấu với không đấu? Vậy thì sự thực như thế nào, bạch đức Thế Tôn? Đức Phật mỉm cười:

- Này Bhaggava! Quả đúng như vậy! Hai vị lõa thể trước, Như Lai đã nói rõ vận mạng của họ y như thế thì lõa thể Pāṭikaputta này Như Lai cũng nói cho biết trước là y sẽ bị bể đầu mà chết nếu không chịu từ bỏ lời nói khoe khoang, dối láo, tà tâm và tà kiến ấy. - Nghe nói lõa thể Pāṭikaputta đã chết rồi, bạch đức Thế Tôn! - Vậy thì Như Lai đã thấy trước, biết trước điều ấy có phải là thực chứng thần thông không, này Bhaggava? - Tâu vâng! - Như Lai không những thực chứng tất thảy mọi thắng trí trên đời này mà Như Lai còn biết về khởi nguyên của thế giới và còn nhiều hơn thế nữa. Nhưng nếu Như Lai giảng nói một cách đầy đủ mọi ngõ ngách chi ly, nhân duyên và quả của chúng thì sẽ mất một trăm năm, hai trăm năm, ba trăm năm cũng không thể, cũng không đủ thời gian, này Bhaggava! Tuy nhiên, sau đó, đức Phật cũng nhẫn nại nói sơ cho vị du sĩ này nghe về sự khởi nguyên của thế giới, sự tạo tác ban đầu có tính cách truyền thống là do nhiễm dục lạc, nhiễm tâm trí ra sao. Cuối cùng, đức Phật đính chính lại một quan niệm sai lầm mà ngoại đạo gán cho ngài, bảo ngài có tuyên bố câu: “Khi một ai đạt được thanh tịnh, giải thoát thì vị ấy thấy thế gian, mọi vật đều là bất tịnh!” Sự thật là đức Phật có tuyên bố với nguyên văn như sau: “Khi một ai đạt đến thanh tịnh, giải thoát thì vị ấy thấy thế gian, mọi vật đều thanh tịnh!”(1) Nhờ sự xác minh, đính chính này của đức Phật mà người ta không còn xem giáo pháp của ngài là bi quan, tiêu cực, yếm thế khi cho thế gian là bất tịnh để đi tìm sự thanh tịnh ở

(1) “Yasmiṃ samaye subhaṃ vimokhaṃ upasampajja viharati, subhaṃ t‟eva tasmiṃ samaye sañjānātīti”

đâu đâu bên ngoài cõi đời. Mà chính là đức Phật và giáo hội sống thanh tịnh giữa lòng thế gian vì hạnh phúc và an vui cho chúng sanh trời và người vậy.

108 Một Cuộc Đời Một Vầng Nhật Nguyệt

Nhơ Lai Là Một Nông Dân

Thời gian tại Đại Lâm, đức Phật còn phải giảng nói cho Mahāli cùng với một số đông dân chúng người Licchavī khi tỳ-khưu Sunakkhaṭṭa từng khoe khoang là "sau ba năm sống gần đức Phật, ông ta tu tập có khả năng thấy được sắc tướng mỹ diệu của thiên nữ nhưng chưa nghe được âm thanh của họ" điều ấy rất nhiều người không biết hư thực ra sao? Đức Phật trả lời là thiên sắc, thiên âm gì cũng có cả khi tu tập định nhất hướng với mục đích như vậy. Một hành giả sau khi đắc định, nhất là định tứ thiền, trở lại cận định của tứ thiền vị ấy hướng tâm đến các phương với mục đích thấy được thiên sắc, nghe được thiên âm thì vị ấy có thể đạt được sở nguyện. Không dừng lại ở đó, đức Phật còn khôn khéo, thiện xảo dẫn Mahāli và hội chúng Licchavī từ thiền định, thắng trí lên bốn đạo, bốn quả và Niết-bàn và cái rốt ráo này mới chính là mục đích của sa-môn hạnh. Cuối thời pháp, cũng do Mahāli và hội chúng Licchavī còn thắc mắc "thân thể và linh hồn là một hay là hai", đức Phật mỉm cười, trả lời rằng, khi nào quý vị tu tập chấm dứt tất cả khổ đau, phiền não rồi thì sẽ thấy rõ câu hỏi đó thuộc về hí luận, rỗng không, phù phiếm và vô ích.

Minh Đức Triều Tâm Ảnh 109

Rời Vesāli, vượt sông Gaṇgā, dừng chân tại Pāṭaligāma rồi đức Phật và đại chúng về Veḷuvana. Tuy nhiên, mùa mưa năm ấy, đức Phật lại an cư tại làng Ekanāḷā gần núi Dakkhiṇāgiri(1) phía Nam kinh thành Rājagaha. Tại đây, đức Phật thấy có cơ duyên hóa độ một vị đại điền chủ sau này sẽ trở thành một vị A-la-hán, đấy là ông bà-la-môn Kasī- Bhāradvāja. Chuyện sau đó kể rằng, hôm ấy, bà-la-môn Kasī- Bhāradvāja chuẩn bị làm một cuộc lễ hạ điền trọng thể trước khi vào vụ cày bừa cả hằng ngàn mẫu ruộng của ông ta. Đội quân chăm lo nông vụ này là năm trăm thợ cày trai tráng, mạnh khỏe, năm trăm lưỡi cày và ba ngàn(2) chú bò sung sức. Ông còn chu đáo sai gia nhân nấu cơm trộn sữa cho quan khách, thợ thầy rất đầy đủ trước khi chuẩn bị ra đồng. Đúng vào lúc ấy, đức Phật xuất hiện chỉ có một mình với bình bát trên tay, đại y vắt vai với hào quang sáu màu dập dờn từng đôi một, rồi ngài dừng lại, cách một quãng trước mặt vị gia chủ cùng thầy thợ. Dung sắc mỹ diệu và thái độ trầm tĩnh, tự tin của đức Phật làm cho mọi người đều im lặng, chiêm ngưỡng. Riêng bà-la-môn Kasī-Bhāradvāja thì đã có nghe danh đức Phật nhưng ông không thích giáo hội ấy, chỉ gồm toàn những người ôm bát đi xin ăn, làm biếng lao động chân tay, ăn hại xã hội. Vì nghĩ vậy, sau khi biết đấy là đức Phật, bà- la-môn Kasī-Bhāradvāja cất giọng rất lịch sự nhưng bên sau là cố ý công kích, chế nhạo: - Thưa sa-môn Gotama! Chúng tôi là nông dân. Chúng tôi phải cày bừa, phải gieo mạ, phải bón phân, phải nước tưới, phải chăm sóc, phải gặt hái mới có được hạt lúa, mới có gạo thổi cơm. Ôi! biết bao nhiêu là khó khăn, vất vả, đổ

(1)
Nhờ đức Phật an cư ở đây mà sau này có tu viện Dakkhiṇāgiri-vihāra.

(2)

Bình quân mỗi cày buộc 6 con bò kéo.

110 Một Cuộc Đời Một Vầng Nhật Nguyệt

mồ hôi, sôi nước mắt mới có được cái ăn để duy trì sự sống. Còn sa-môn Gotama và chúng đệ tử thì như thế nào? Chư tôn giả không cày bừa, không gieo mạ, không bỏ phân, không tưới nước, không chăm bón, không gặt hái, không đổ mồ hôi, không tốn công sức... mà đòi có cơm ăn hay sao? Phải lao động, phải làm việc mới có cái ăn chứ? Đức Phật mỉm cười với sắc diện tỏa sáng dịu dàng như trăng rằm rồi chậm rãi đáp: - Này gia chủ Kasī-Bhāradvāja! Như Lai cũng là một nông dân! Như Lai cũng cày, cũng bừa, cũng gieo trồng, cũng bỏ phân, tưới nước, cũng tốn công sức chăm bón và gặt hái đó chứ!(1) Bà-la-môn Kasī-Bhāradvāja bất giác cười rộ: - Thế cày bừa của sa-môn Gotama đâu? Dụng cụ nông tang đâu? Rồi còn nào bò, nào ách, hạt giống đâu? Vậy thì nước tưới cái gì, bón phân cái gì và gặt hái cái gì, thật là nực cười! Giọng của đức Phật vẫn toát ra âm thanh điềm đạm, ôn nhu, từ hòa: - Này điền chủ! Ông không biết đó thôi. Hạt giống để gieo của Như Lai là đức tin (saddhā); giữ gìn luật giới và hạnh kiểm (tapo) là nước tưới; cày và ách là trí tuệ (paññā), cán cày là biết hổ thẹn tội lỗi (hiri), dây cương là tâm ý an định (mano), lưỡi cày và roi điều khiển là chú niệm (sati)...(2) Này điền chủ! Con người sống giữa cuộc đời mà nếu không có đức tin, không có hạnh kiểm tốt, không có sự sáng suốt, tỉnh thức, không biết hổ thẹn tội lỗi, không có tâm trầm tĩnh, ổn định, không có chú niệm trong mỗi một việc làm thì con người ấy ra sao, cuộc đời này sẽ ra sao, điền chủ? (1) Từ câu kệ: “Kassako paṭijānāti, na ca pasāma te kasiṃ. Kasini no pucchito brūhi, yathā jānemu te kasiṃ”. (2) Từ câu kệ: “Saddhā bījaṃ tapo vuṭṭhi, paññā me yuganaṅgalaṃ, hiri īsā mano yottaṃ, sati me phālapācanaṃ”.

Minh Đức Triều Tâm Ảnh 111

Bà-la-môn cảm thấy thấm thía quá, thú vị quá, ông uống từng lời, có vẻ yên lặng lắng nghe. Đức Phật nói tiếp: - Này điền chủ! Ông chăm sóc, giữ gìn ruộng nương thì Như Lai chăm sóc, giữ gìn hành động và lời nói; ăn uống có tiết độ, tri túc và dị giản trong mọi nhu dụng hằng ngày; dùng hạnh chân thật để đối trị với gian xảo, lừa dối; và đạo quả A-la-hán là thành quả ruộng nương của Như Lai!(1) Này điền chủ! Cố gắng, nỗ lực (viriya) là những con bò (tứ chánh cần) đưa Như Lai đến trạng thái không còn bị trói buộc(2), thẳng tiến bất thối chuyển, đi, đi mãi, đến nơi không còn sầu não(3). Còn nữa, công lao khổ nhọc cày bừa gặt hái ấy, nay Như Lai đã thành tựu, đã viên mãn, đạt được hoa trái Bất tử, giải thoát tất thảy khổ đau, phiền muộn(4), này điền chủ! Đức Phật thuyết giảng thế xong, bà-la-môn Kasī- Bhāradvāja kinh cảm, phát sanh đức tin, hối hả sai gia nhân bưng một bát lớn cơm trộn sữa dâng cúng đến ngài, rối rít nói: - Vậy xin tôn giả thọ nhận vật thực này! Tôn giả quả thật là một nông dân, đã gieo trồng và gặt hái được trái quả bất tử! Đức Phật đưa tay ngăn bát lại, không thọ nhận: - Vật thực thọ nhận do thuyết giảng giáo pháp, kệ ngôn thật không thích đáng cho Như Lai dùng. Này điền chủ! Đây

(1) Từ câu kệ: “Kāyagutto vaciyutto āhāre udare yato saccaṃ karomi niddānaṃ, soraccaṃ me pamocanaṃ”. (2) 4 trói buộc - đó là kāma (dục), bhava (hữu), diṭṭhi (kiến)

và avijjā (vô minh). (3) Từ câu kệ: “Viriyaṃ me dhurarayhaṃ, yogakkhemādhivāhanaṃ gacchati anivattantaṃ yattha gantvā na socati”. (4) Từ câu kệ: “Evamesā kasikaṭṭhā sa hoti amatapphalā, etaṃ kasiṃ kasitvāna sabbadukkhā pamuccati”.

là thông lệ của chư Chánh Đẳng Giác. Khi nào truyền thống tốt đẹp này được duy trì thì sự nuôi mạng chơn chánh còn được bảo lưu, tôn trọng. Và chính đời sống phạm hạnh thiêng liêng trong sạch ấy của chư vị thánh nhân mới là phước điền vô thượng cho chư thiên và loài người. Nghe thế xong, Bà-la-môn Kasī-Bhāradvāja lại càng tăng trưởng đức tin thêm nữa, hỷ lạc dâng rần rần. Sau đó đức Phật còn giảng thêm cho ông ta nghe những cách cúng dường đúng chánh pháp là như thế nào. Mọi hiểu lầm, nghi nan của ông không còn nữa, mắt ông sáng lên, thấy được con đường. Ông xin được quy y Tam Bảo trở thành một người thiện nam. Nhân duyên của vị điền chủ này còn hơn thế nữa. Trong thời gian đức Phật còn an cư tại ngôi làng Ekanāḷā gần núi Dakkhiṇāgiri này, ông ta đã từ bỏ tất cả tư gia, điền sản xin được xuất gia sa-di. Được biết rằng, thời gian sau, ông được thọ đại giới, sống hạnh độc cư, tinh cần tu tập và ông đã trở thành một bậc lậu tận, A-la-hán thánh quả.

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.